

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 25 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Hà và ông Lệnh Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Vàng Ca S;** Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Số căn cước công dân: 002075005426, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng Xế L và bà Thảo Thị K (Đã chết); Có vợ: Vừ Thị M (Đã chết) và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Lượng là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. **Vàng Mí L;** Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987 tại xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn Lùng M, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Số căn cước công dân: 002087007189, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V và bà Thảo Thị K (Đã chết); Có vợ: Cháng Thị L và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Lượng là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền.

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Vàng Mí S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Anh Vàng Văn Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Lùng M, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2.3. Người làm chứng:

- Chị Vàng Thị S, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Chị Cháng Thị P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2.4. Người phiên dịch tiếng mông: Bà Vương Thị H; nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2022, Vàng Ca S có gặp em trai ruột là Vàng Mí L, cùng trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, S và L bàn và thống nhất ngày nào rảnh sẽ đi chặt cây gỗ nghiêng bị khô ngọn phía sau nhà, cây ở phía bên phải nương ngô của S, tính từ dưới nhà S đi lên. Sau đó khoảng 03 ngày S sang nhà Vàng Văn Q cùng thôn để mượn máy cưa xăng, đi mua xăng và nhót về tự pha để sử dụng cho máy cưa. Vào khoảng 08 đến 09 giờ sáng ngày hôm sau S cầm 01 máy cưa xăng và 01 can xăng pha nhót sẵn từ hôm trước để đi chặt cây nghiêng như đã bàn trước đó, S đi qua nhà L và gọi L: Có đi chặt cây không? L trả lời là có, sau đó S lên vị trí cây nghiêng trên nương thì thấy L đi theo sau. Khi đến nơi, S là người trực tiếp sử dụng máy cưa xăng để chặt cây, S chặt được khoảng 02 giờ đồng hồ thì cây đổ, sau khi cây đổ S và L đi về nhà. Quá trình cưa đổ cây L chỉ đứng xem vì L không biết sử dụng máy cưa.

Sau khi cưa đổ cây nghiêng được khoảng 01 tuần, S cùng L tiếp tục lên vị trí cây nghiêng đã chặt đổ để cắt và xẻ cây thì phát hiện cây đã được cắt thành 04 khúc có chiều dài mỗi khúc khoảng 03m, khúc ngọn dài khoảng 20m và khúc thứ hai tính từ phía gốc đã bị bỏ lấy hết phần gỗ. Sau đó S cùng L cắt phần ngọn cây thành các khúc dài từ 20 đến 25cm để bổ thành củi và mang về nhà. Trong quá trình khai thác cây gỗ nghiêng S là người trực tiếp dùng máy cưa cắt còn L không biết dùng máy cưa nên chỉ dùng dao để chặt cành và dọn xung quanh để cho S dễ khai thác. Khi khai thác hết phần ngọn cây thì S đã gọi vợ là Vàng Thị S, sinh năm 1984 (Chưa đăng ký kết hôn) lên vận chuyển số gỗ đã cắt mang về nhà S, còn L thì gọi vợ là Cháng Thị L lên vận chuyển gỗ về nhà L. Khi vận chuyển hết số củi về nhà thì S, L thống nhất phần thân cây còn lại sẽ khai thác xẻ làm ván để sửa nhà, nhưng chưa kịp khai thác thì bị lực lượng chức năng phát hiện.

Sau khi cắt hạ cây nghiêng xong S và L mới biết cây gỗ do Vàng Mí S một mình dùng cưa xăng cắt thành 04 đoạn và đã khai thác đoạn thứ hai làm thớt bán

được 1,8 triệu đồng, sau đó S còn tiếp tục khai thác 01 cây nghiến khác và đã bị xét xử bằng vụ án khác.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 16/3/2022 đã xác định cây Nghiến do S và L khai thác thuộc rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, có tọa độ là E447150/N2543170, thuộc lô 12, khoảnh 2, tiểu khu 52D được cắt thành 04 khúc, khúc thứ 2 và khúc thứ 4 đã bị các đối tượng khai thác hết, còn lại tại hiện trường khúc thứ nhất có kích thước dài 2,39m, đường kính 81cm; khúc thứ ba kích thước dài 3,16m, đường kính 86cm; đoạn gốc dài 1,7m, đường kính 82cm, có tổng khối lượng là 4,575m³ (Bốn phẩy năm trăm bảy mươi lăm mét khối).

Kết quả xác định hiện trường ngày 17/3/2022 tại khu rừng phòng hộ thuộc đội 4, thôn L, xã Q, huyện Q đã phát hiện thu giữ 39 cục gỗ Nghiến có trọng lượng 1.149kg tương đương 1,149m³ gỗ tại khu vực nhà của Vàng Mí, Vàng Ca S và Vàng Mí L. Trong đó tại nhà của S là 20 cục có khối lượng 0,599 m³, tại nhà S 06 cục có khối lượng 0,152m³ và tại nhà L là 13 cục có khối lượng 0,398m³.

Quá trình điều tra đã xác định được Vàng Ca S, Vàng Mí L đã trực tiếp khai thác 01 cây gỗ Nghiến có khối lượng thu giữ tại hiện trường là 4.575m³ và số gỗ thu giữ tại nhà của Vàng Ca S, Vàng Mí L, Vàng Mí S 1.149m³ cũng thuộc cây gỗ Nghiến do 2 bị cáo đã khai thác. Còn số gỗ S làm thớt mang đi tiêu thụ không thu hồi được nên không có căn cứ để xác định khối lượng. Như vậy số gỗ Nghiến mà S và L khai thác có tổng khối lượng 5,724m³.

Tại bản kết luận giám định số 185/CRN-VP ngày 22/4/2022 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng, kết luận 22,496m³ gỗ tại hiện trường (gồm 17.921m³ cây gỗ Nghiến của S khai thác và 4.575m³ cây gỗ Nghiến do S và L khai thác) và 1,149m³ gỗ thu giữ tại nhà của Vàng Mí S, Vàng Ca S, Vàng Mí L là đồng nhất một chủng loại gỗ, có tổng khối lượng là 23,645m³. Tên Việt Nam gọi là Nghiến, thuộc nhóm IIA của “*Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/ 2021 của Chính phủ.

Kết quả định giá khối lượng gỗ của Vàng Ca S, Vàng Mí L đã khai thác 01 cây Nghiến gồm khối lượng thu tại hiện trường: 4,575m³ và 39 khúc gỗ nghiến khối lượng thu tại nhà: 1,149 m³ có trị giá là 11.448.000 đồng (*Mười một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định hiện trường, lời khai của Vàng Ca S, Vàng Mí L và Vàng Mí S cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngày 14/4/2022 cơ quan CSĐT Công an huyện Quản Bạ đã quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06/QĐ-CQĐT và ngày 13/6/2022 cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ-CQĐT, quyết định khởi tố bị can số 11, 12/QĐ-CQĐT đối với Vàng Ca S và Vàng Mí L về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, còn hành vi khai thác gỗ của Vàng Mí S không được bàn bạc với S và L nên không đồng phạm trong vụ án này mà hành vi của S đã bị xét xử trong vụ án khác.

Vật chứng vụ án bị thu giữ:

- 01 (một) máy cưa màu đỏ, nhãn hiệu CHAIN SAW, có tổng chiều dài là 01 m, phần lam cưa dài 60cm, chiều rộng lam cưa 13cm máy cũ đã qua sử dụng.

- 19 khúc gỗ nghiến có tổng khối lượng 550kg tương đương 0,550m³ thu tại nhà S và nhà L.

- 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, can cũ đã qua sử dụng.

- 4,575m³ gỗ nghiến (ngày 26/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q quản lý).

Đối với 20 khúc gỗ nghiến khối lượng 0,599m³ thu giữ tại nhà Vàng Mí S đã được xử lý trong vụ án của Vàng Mí S.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự là ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch UBND xã Q không đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và bị cáo là người dân tộc thiểu số, ít hiểu biết pháp luật, là hộ nghèo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSQB ngày 26/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Vàng Ca S, Vàng Mí L về tội “ *Vi phạm qui định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự để tuyên bố bị cáo Vàng Ca S, Vàng Mí L phạm tội “ *Vi phạm qui định về khai thác và bảo vệ rừng và lâm sản* ” và xem xét bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo, nguyên đơn xin giảm nhẹ hình phạt được qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên phạt:

- Bị cáo Vàng Ca S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng;

- Bị cáo Vàng Mí L từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng;

Giao các bị cáo Vàng Ca S và Vàng Mí L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Do nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không đề cập.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) máy cưa màu đỏ, nhãn hiệu CHAIN SAW, có tổng chiều dài là 01 m, phần lam cưa dài 60cm, chiều rộng lam cưa 13cm máy cũ đã qua sử dụng.

- 19 khúc gỗ nghiến có tổng khối lượng 550kg tương đương 0,550m³ thu tại nhà S và nhà L.

- 4,575m³ gỗ nghiến (ngày 26/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q quản lý).

- Tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, can cũ đã qua sử dụng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo đồng tình quan điểm của KSV tại phiên tòa xét xử về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội bị cáo hoàn cảnh điều kiện quá khó khăn (đều là hộ nghèo), hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo rất ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu. Từ những lập luận trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo S 09 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo L từ 06 tháng tù cho hưởng án treo. Giao các bị cáo về địa phương để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí với nội dung bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không có tranh luận bổ sung. Đại diện Viện kiểm sát trong phần đối đáp đã giữ nguyên quan điểm về tội danh và căn cứ áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên, của người bào chữa không có ý kiến tranh luận, không yêu cầu bồi thường và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q và Viện kiểm sát nhân dân huyện Q: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Như vậy có căn cứ để khẳng định: Vào khoảng tháng 02/2022, Vàng Ca S, Vàng Mí L và Vàng Mí S đã có hành vi dùng máy cưa khai thác trái phép 5,724m³ gỗ nghiến thuộc nhóm IIA tại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc lô 12, khoảnh 2, tiểu khu 52D thuộc địa phận thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[3] Hành vi của các bị cáo đã vi phạm vào điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này bị cáo Vàng Ca S là người khởi xướng, chủ động chuẩn bị máy cưa, trực tiếp cưa đổ cây; bị cáo L được S rủ cùng khai thác gỗ, L phát dọn xung quanh giúp S cưa cây, có vai trò thứ yếu. Do vậy S là người phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với L.

[8] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, khai thác trái phép 01 cây gỗ nghiêng nhóm IIA thuộc danh mục nguy cấp, quý hiếm, có tổng giá trị là 11.448.000 đồng; hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Vì vậy cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra, tuy nhiên các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, kiến thức pháp luật hạn chế, còn bị ảnh hưởng nhiều tập tục lạc hậu. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự giáo dục, không cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không xem xét.

[10] Đối với Vàng Mí S có hành vi khai thác 0,599m³ gỗ nghiêng (cây bị cáo S cưa đổ) và S tự cưa đổ 01 cây gỗ nghiêng có khối lượng 17,921m³, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã khởi tố vụ án hình sự và khởi tố đối với Vàng Mí và đã bị xét xử ở vụ án khác, nên không xem xét trong vụ án này.

[11] Đối với Vàng Thị S, Cháng Thị P, Cháng Thị L đã có hành vi giúp các đối tượng vận chuyển gỗ về nhà, nhưng P, L, S không được bàn bạc từ trước, không biết, không nhìn thấy các đối tượng khai thác gỗ, P, L, S đều là dân tộc thiểu số am hiểu pháp luật hạn chế, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[12] Về đề nghị miễn án phí cho các bị cáo của người bào chữa, xét thấy các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 cần chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 01 (một) máy cưa màu đỏ, nhãn hiệu CHAIN SAW, đã qua sử dụng, là cưa bị cáo S mượn của anh Vàng Văn Q, anh Q không biết việc S mượn cưa để khai thác gỗ trái phép nên trả cần trả lại.

- 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, can cũ đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

19 khúc gỗ nghiến có tổng khối lượng 550kg tương đương 0,550m³ và 4,575m³ gỗ nghiến tại hiện trường, là tài sản nhà nước nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Vàng Ca S, Vàng Mí L phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vàng Ca S 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vàng Mí L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vàng Ca S, Vàng Mí L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho anh Vàng Văn Q: 01 (một) máy cưa màu đỏ, nhãn hiệu CHAIN SAW, có tổng chiều dài là 01 m, phần lam cưa dài 60cm, chiều rộng lam cưa 13cm máy cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 19 khúc gỗ nghiến có tổng khối lượng 550kg tương đương 0,550m³ và 4,575m³ gỗ nghiến tại hiện trường.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa màu vàng, loại can 05 lít, can cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 26/7/2022.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Q;
- Công an huyện Quản Bạ;
- Phòng PV 06, PC 10 Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo;
- UBND xã Q;
- Người bào chữa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Danh Nhân